

**ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO**

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K15XDD

TÊN HỌC PHẦN: **HÌNH HỌA 1**
MÃ HỌC PHẦN : **ARC - 111**

HỌC KỲ **2**
TÍN CHỈ **2**
LẦN THI **1**

Ngày thi: 02/04/2010

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)								ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ		CHỮ
					10			10				10	70	100		
1	132214562	TỪ SỸ	THÀNH	K15XDD1	0			0				0	HP	0.0	Khăng	
2	142211229	PHẠM TRỌNG	KHOA	K15XDD1	2			3				5	4.5	4.2	Bấu pháy Hai	
3	151135693	NGUYỄN VĂN	THÀNH	K15XDD1	6			0				0	HP	0.0	Khăng	
4	152132556	PHAN MINH	MẠNH	K15XDD1	8			2				0	HP	0.0	Khăng	
5	152212013	LÊ VĨNH	LINH	K15XDD1	8			6				5	6.5	6.5	Sầu pháy Nam	
6	152212016	NGUYỄN DUY	ĐỒ	K15XDD1	8			7				8	6.5	6.9	Sầu pháy Chên	
7	152212615	PHAN PHỤNG	HOÀN	K15XDD1	8			5				3	6.5	6.2	Sầu pháy Hai	
8	152212625	LÊ PHƯỚC	NAM	K15XDD1	4			0				0	HP	0.0	Khăng	
9	152212628	NGUYỄN PHẠM TÚ	SINH	K15XDD1	6			6				7	6	6.1	Sầu pháy Mắi	
10	152212637	NGÔ DUY	BÌNH	K15XDD1	10			6				8	5.5	6.3	Sầu pháy Ba	
11	152212638	TRẦN HUỖNH	ĐÚNG	K15XDD1	10			7				7	4	5.2	Nằm pháy Hai	
12	152212639	NGÔ MINH	NHÂN	K15XDD1	4			6				6	6.5	6.2	Sầu pháy Hai	
13	152212642	TRẦN VĂN	LỢI	K15XDD1	6			6				9	4.5	5.3	Nằm pháy Ba	
14	152212645	LÊ XUÂN	TÂN	K15XDD1	4			5				7	5.5	5.5	Nằm pháy Nằm	
15	152212651	LÊ KỲ	TRUNG	K15XDD1	10			5				5	6	6.2	Sầu pháy Hai	
16	152212653	PHẠM VIỆT	QUỐC	K15XDD1	6			5				6	5.5	5.6	Nằm pháy Sầu	
17	152212654	THUỖ THANH	TUẤN	K15XDD1	8			5				5	HP	0.0	Khăng	
18	152212655	HỒ HOÀNG	VŨ	K15XDD1	6			8				3	6.5	6.3	Sầu pháy Ba	
19	152212657	PHẠM PHÚ	CƯỜNG	K15XDD1	10			6				8	6.5	7.0	Báy	
20	152212658	LÊ ĐÌNH	CHINH	K15XDD1	8			5				6	2.5	3.7	Ba pháy Báy	
21	152212661	HOÀNG VĂN	AN	K15XDD1	6			7				5	6	6.0	Sầu	
22	152212665	VÕ ĐÌNH	HOÀNG	K15XDD1	4			6				8	6.5	6.4	Sầu pháy Bấu	
23	152212667	PHẠM NGỌC	HIẾU	K15XDD1	8			6				7	1	2.8	Hai pháy Tằm	
24	152212674	NGUYỄN QUỐC	PHƯƠNG	K15XDD1	10			7				5	HP	0.0	Khăng	
25	152212678	HOÀNG ANH	HÙNG	K15XDD1	10			8				10	7	7.7	Báy pháy Báy	
26	152212680	HỒ CHÍ	BẰNG	K15XDD1	10			8				9	8.5	8.7	Tằm pháy Báy	
27	152212685	TẠ ĐÌNH	DU	K15XDD1	0			0				0	HP	0.0	Khăng	
28	152212689	NGUYỄN GIA	TUẤN	K15XDD1	4			6				5	4	4.3	Bấu pháy Ba	
29	152212693	NGUYỄN TUẤN	VŨ	K15XDD1	4			5				5	1	2.1	Hai pháy Mắi	
30	152212705	TRẦN VĂN	TÙNG	K15XDD1	10			6				6	HP	0.0	Khăng	
31	152212707	TRẦN ĐỨC	HẢI	K15XDD1	10			7				5	6.5	6.8	Sầu pháy Tằm	
32	152212709	VÕ DUY	VŨ	K15XDD1	0			0				0	HP	0.0	Khăng	
33	152212710	TRẦN CHÍ	CÔNG	K15XDD1	8			6				8	4	5.0	Nằm	
34	152212714	NGUYỄN MINH	NGHI	K15XDD1	8			8				8	7.5	7.7	Báy pháy Báy	
35	152212716	LÊ THANH	KHÁNH	K15XDD1	0			0				0	HP	0.0	Khăng	
36	152212724	NGUYỄN VĂN	VINH	K15XDD1	10			8				10	7	7.7	Báy pháy Báy	
37	152212727	VÕ HUỖNH	KHẢI	K15XDD1	10			6				3	8	7.5	Báy pháy Nằm	
38	152212730	NGUYỄN VĂN	TIỀN	K15XDD1	8			8				5	HP	0.0	Khăng	
39	152212734	HỒ HẢI	QUYỀN	K15XDD1	10			6				8	3.5	4.9	Bấu pháy Chên	
40	152212735	CHU QUYẾT	THẮNG	K15XDD1	10			8				10	9.5	9.5	Chên pháy Nằm	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K15XDD

TÊN HỌC PHẦN: HÌNH HỌA 1
MÃ HỌC PHẦN : ARC - 111

HỌC KỲ 2
TÍN CHỈ 2
LẦN THI 1

Ngày thi: 02/04/2010

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10			10				10	70	100			
41	152212736	HỒ XUÂN	PHÁP	K15XDD1	10			7				5	7	7.1	Báý pháý Mắü		
42	152212737	TRẦN TRUNG	KIÊN	K15XDD1	10			7				8	9	8.8	Tắü pháý Tắü		
43	152212739	LÊ XUÂN	PHƯƠNG	K15XDD1	10			7				8	7	7.4	Báý pháý Bắü		
44	152212745	NGUYỄN	HẢI	K15XDD1	10			7				5	5	5.7	Nằü pháý Báý		
45	152212747	NGUYỄN VĂN	THÔNG	K15XDD1	6			7				7	8	7.6	Báý pháý Sắü		
46	152212750	VÕ NGỌC	ĐUỜNG	K15XDD1	8			3				8	4.5	5.1	Nằü pháý Mắü		
47	152212753	VÕ VĂN	NGUYỄN	K15XDD1	10			7				5	5.5	6.1	Sắü pháý Mắü		
48	152212754	HỒ TRẦN	QUANG	K15XDD1	4			6				5	HP	0.0	Khắü		
49	152215524	TRẦN LONG	GIANG	K15XDD1	4			7				6	8.5	7.7	Báý pháý Báý		
50	152215527	NGUYỄN THIÊN	HÙNG	K15XDD1	8			6				5	6	6.1	Sắü pháý Mắü		
51	152215755	HOÀNG THẾ	ANH	K15XDD1	2			0				0	HP	0.0	Khắü		
52	152215928	NGUYỄN ĐĂNG	TÂN	K15XDD1	6			7				7	3.5	4.5	Bắü pháý Nằü		
53	152215958	TRẦN ĐÌNH BẢO	MINH	K15XDD1	8			7				8	6	6.5	Sắü pháý Nằü		
54	152216071	NGUYỄN XUÂN	LƯƠNG	K15XDD1	10			6				5	6	6.3	Sắü pháý Ba		
55	152222019	ĐÌNH VĂN	TÀNG	K15XDD1	10			7				7	6	6.6	Sắü pháý Sắü		
56	152222777	PHẠM TÂN	VẠN	K15XDD1	10			8				3	6	6.3	Sắü pháý Ba		
57	142211193	NGUYỄN VĂN	CƯỜNG	K15XDD2	0			0				0	HP	0.0	Khắü		
58	142211262	ĐỖ THÁI	SƠN	K15XDD2	2			0				0	6	4.4	Bắü pháý Bắü		
59	142211277	PHẠM MINH	THÀNH	K15XDD2	8			3				8	4	4.7	Bắü pháý Báý		
60	142522783	PHAN ĐÌNH	LUYỄN	K15XDD2	6			5				6	5	5.2	Nằü pháý Hai		
61	152132552	VÕ NGỌC	KHÁNH	K15XDD2	4			5				6	HP	0.0	Khắü		
62	152212613	NGUYỄN LÊ ANH	KIỆT	K15XDD2	8			5				6	6.5	6.5	Sắü pháý Nằü		
63	152212620	NGUYỄN VĂN	HÒA	K15XDD2	4			5				6	5.5	5.4	Nằü pháý Bắü		
64	152212626	DƯƠNG QUANG	MINH	K15XDD2	0			5				3	3.5	3.3	Ba pháý Ba		
65	152212627	NGUYỄN ĐẮC	DUY	K15XDD2	10			7				8	7	7.4	Báý pháý Bắü		
66	152212629	LÂM THÁI	DUỜNG	K15XDD2	0			0				0	V	0.0	Khắü		
67	152212631	HUỖNH THANH	QUỐC	K15XDD2	10			5				9	6	6.6	Sắü pháý Sắü		
68	152212634	NGUYỄN VĂN	TRUNG	K15XDD2	10			6				9	7	7.4	Báý pháý Bắü		
69	152212636	PHẠM HỒNG	THÁI	K15XDD2	10			6				10	5.5	6.5	Sắü pháý Nằü		
70	152212640	NGUYỄN NGỌC	PHƯƠNG	K15XDD2	8			5				7	2	3.4	Ba pháý Bắü		
71	152212641	VŨ TRẦN DUY	TÂN	K15XDD2	6			6				6	6	6.0	Sắü		
72	152212643	PHAN TUẤN	ANH	K15XDD2	10			7				8	6	6.7	Sắü pháý Báý		
73	152212652	TRẦN	HỌC	K15XDD2	10			6				9	8	8.1	Tắü pháý Mắü		
74	152212659	DƯƠNG PHÚ	QUÝ	K15XDD2	10			6				8	HP	0.0	Khắü		
75	152212660	NGUYỄN QUỐC	VŨ	K15XDD2	10			6				7	7.5	7.6	Báý pháý Sắü		
76	152212663	NGUYỄN MINH	THIỆN	K15XDD2	10			6				7	7.5	7.6	Báý pháý Sắü		
77	152212668	TRẦN VĂN	THÀNH	K15XDD2	10			5				9	6	6.6	Sắü pháý Sắü		
78	152212669	ĐẶNG MINH	CHUÂN	K15XDD2	8			6				6	5.5	5.9	Nằü pháý Chằü		
79	152212670	NGUYỄN TRÍ	HÀ	K15XDD2	0			0				0	HP	0.0	Khắü		
80	152212672	LÊ THANH	PHƯƠNG	K15XDD2	6			5				8	4	4.7	Bắü pháý Báý		
81	152212673	HÀ CHÍ	TRAI	K15XDD2	0			0				0	HP	0.0	Khắü		
82	152212687	HỒ ĐẠI	NHÂN	K15XDD2	10			6				8	6	6.6	Sắü pháý Sắü		
83	152212688	NGUYỄN CÔNG	ĐOÀN	K15XDD2	8			3				5	6	5.8	Nằü pháý Tắü		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K15XDD

TÊN HỌC PHẦN: **HÌNH HỌA 1**

HỌC KỲ **2**

MÃ HỌC PHẦN : **ARC - 111**

TÍN CHỈ **2**

Ngày thi: 02/04/2010

LẦN THI **1**

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)								ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ		CHỮ
					10			10				10	70	100		
84	152212692	PHAN QUỐC	HUY	K15XDD2	10			8				10	6	7.0	Báý	
85	152212694	LẠI VĂN	ĐỨC	K15XDD2	8			6				7	8	7.7	Báý pháý Báý	
86	152212696	TRỊNH NGỌC	THẮNG	K15XDD2	4			7				7	4	4.6	Bấứ pháý Sầu	
87	152212697	VÕ THÀNH	AN	K15XDD2	0			0				0	HP	0.0	Khăng	
88	152212700	VÕ THANH	PHONG	K15XDD2	6			5				9	6.5	6.6	Sầu pháý Sầu	
89	152212703	LÊ ANH	VŨ	K15XDD2	8			6				9	6	6.5	Sầu pháý Nàm	
90	152212704	NGUYỄN VĂN	BÌNH	K15XDD2	10			6				9	4.5	5.7	Nàm pháý Báý	
91	152212706	HOÀNG ĐỨC	ĐẠT	K15XDD2	6			6				10	5.5	6.1	Sầu pháý Mất	
92	152212708	NGUYỄN DUY	TUỖNG	K15XDD2	10			8				9	6	6.9	Sầu pháý Chèn	
93	152212715	VÕ TRUNG	MỸ	K15XDD2	10			6				8	9.5	9.1	Chèn pháý Mất	
94	152212718	TRẦN NGỌC	NAM	K15XDD2	6			5				3	7	6.3	Sầu pháý Ba	
95	152212720	LÊ VĂN TÂN	HÙNG	K15XDD2	10			8				8	9.5	9.3	Chèn pháý Ba	
96	152212722	PHẠM THANH	HẢI	K15XDD2	8			7				6	9.5	8.8	Tằm pháý Tằm	
97	152212723	NGUYỄN TRIỆU	NGỌC	K15XDD2	0			0				0	HP	0.0	Khăng	
98	152212726	LÊ VĂN	HOÀNG	K15XDD2	10			6				10	8.5	8.6	Tằm pháý Sầu	
99	152212729	TRẦN	NHẬT	K15XDD2	0			0				0	HP	0.0	Khăng	
100	152212731	TRẦN THÀNH	KHÂM	K15XDD2	8			5				6	2	3.3	Ba pháý Ba	
101	152212732	ĐÀO TIỀN	THUỖNG	K15XDD2	10			6				10	6	6.8	Sầu pháý Tằm	
102	152212733	TRẦN QUỐC	TUẤN	K15XDD2	6			0				0	HP	0.0	Khăng	
103	152212738	ĐÀO ĐỨC	MÃNH	K15XDD2	10			7				10	9.5	9.4	Chèn pháý Bấứ	
104	152212743	TRẦN ĐÌNH	BẢO	K15XDD2	8			5				7	7	6.9	Sầu pháý Chèn	
105	152212744	NGUYỄN ANH	TUẤN	K15XDD2	4			0				0	5	3.9	Ba pháý Chèn	
106	152212748	TRỊNH NGỌC	CÔNG	K15XDD2	8			7				8	HP	0.0	Khăng	
107	152215526	ĐẶNG THÁI	SON	K15XDD2	10			7				7	8.5	8.4	Tằm pháý Bấứ	
108	152215529	TÔN LONG	LINH	K15XDD2	6			7				7	5	5.5	Nàm pháý Nàm	
109	152215827	LÊ TIỀN	LONG	K15XDD2	10			6				7	8	7.9	Báý pháý Chèn	
110	152215829	TRƯƠNG XUÂN	VINH	K15XDD2	8			6				10	9.5	9.1	Chèn pháý Mất	
111	152222784	HOÀNG QUỐC	VIỆT	K15XDD2	8			7				8	3	4.4	Bấứ pháý Bấứ	
112	152222789	NGÔ ĐỨC	HIẾU	K15XDD2	10			8				10	8	8.4	Tằm pháý Bấứ	
113	152313941	LÊ XUÂN	SANG	K15XDD2	10			6				3	4	4.7	Bấứ pháý Báý	
114	142211205	NGUYỄN CÔNG	DŨNG	K15XDD3	10			6				5	6	6.3	Sầu pháý Ba	
115	142211263	NGUYỄN HỒ CÔNG	SON	K15XDD3	2			5				3	HP	0.0	Khăng	
116	142211284	PHẠM QUỐC	THÔNG	K15XDD3	2			5				3	2	2.4	Hai pháý Bấứ	
117	142211301	NGUYỄN ANH	TUẤN	K15XDD3	4			5				7	5.5	5.5	Nàm pháý Nàm	
118	152132006	NGUYỄN TƯ	HIẾU	K15XDD3	10			8				7	4	5.3	Nàm pháý Ba	
119	152212014	TRƯƠNG VĂN	VỊNH	K15XDD3	10			7				6	6	6.5	Sầu pháý Nàm	
120	152212015	TRẦN HỒNG	ANH	K15XDD3	10			6				6	6.5	6.8	Sầu pháý Tằm	
121	152212614	TRƯƠNG QUỐC	BÔNG	K15XDD3	4			0				0	5.5	4.3	Bấứ pháý Ba	
122	152212616	NGUYỄN TRUNG	THI	K15XDD3	4			8				9	6	6.3	Sầu pháý Ba	
123	152212617	NGUYỄN TRỌNG	HOÀNG	K15XDD3	8			7				7	2	3.6	Ba pháý Sầu	
124	152212618	NGUYỄN BÁ	SINH	K15XDD3	10			7				6	6	6.5	Sầu pháý Nàm	
125	152212619	PHAN BẢO	NGUYỄN	K15XDD3	10			6				6	6	6.4	Sầu pháý Bấứ	
126	152212622	NGUYỄN CÔNG	QUỐC	K15XDD3	8			3				7	5.5	5.7	Nàm pháý Báý	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K15XDD

TÊN HỌC PHẦN: **HÌNH HỌA 1**
MÃ HỌC PHẦN : **ARC - 111**

HỌC KỲ **2**
TÍN CHỈ **2**
LẦN THI **1**

Ngày thi: 02/04/2010

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10			10				10	70	100			
127	152212623	LÊ ĐỨC	TIẾN	K15XDD3	2			3				7	HP	0.0	Khăng		
128	152212624	TRƯƠNG THANH	PHƯƠNG	K15XDD3	0			0				0	HP	0.0	Khăng		
129	152212630	THÁI MINH	HẢI	K15XDD3	10			3				6	6.5	6.5	Sau pháp Nàm		
130	152212644	NGUYỄN XUÂN	ĐẠT	K15XDD3	4			3				5	6.5	5.8	Nàm pháp Tằm		
131	152212646	HOÀNG THẾ	THĂNG	K15XDD3	10			7				6	6.5	6.9	Sau pháp Chên		
132	152212649	ĐOÀN HỒNG	NAM	K15XDD3	10			6				7	6	6.5	Sau pháp Nàm		
133	152212656	LÊ VĂN	LỘC	K15XDD3	6			3				6	5.5	5.4	Nàm pháp Bấu		
134	152212662	TRẦN VĂN	ĐỨC	K15XDD3	10			3				8	7	7.0	Baý		
135	152212664	LƯƠNG TRUNG	SƠN	K15XDD3	6			7				9	6.5	6.8	Sau pháp Tằm		
136	152212675	TRƯƠNG THANH	HUY	K15XDD3	10			6				8	6	6.6	Sau pháp Sau		
137	152212676	LÊ MINH	HẢI	K15XDD3	6			6				8	6.5	6.6	Sau pháp Sau		
138	152212679	LÊ PHAN THANH	BÌNH	K15XDD3	8			6				3	5	5.2	Nàm pháp Hai		
139	152212682	HUỖNH VĂN	THÀNH	K15XDD3	10			6				7	8	7.9	Baý pháp Chên		
140	152212684	HOÀNG KIM DANH	NHÂN	K15XDD3	10			6				6	6.5	6.8	Sau pháp Tằm		
141	152212686	LÊ DUY	KHÁNH	K15XDD3	10			6				8	8	8.0	Tằm		
142	152212690	HỒ MINH	PHƯƠNG	K15XDD3	10			6				7	6	6.5	Sau pháp Nàm		
143	152212691	NGUYỄN THANH	LONG	K15XDD3	10			8				8	9.5	9.3	Chên pháp Ba		
144	152212695	LÊ THIÊN	VŨ	K15XDD3	6			6				5	6	5.9	Nàm pháp Chên		
145	152212698	LÊ MINH	TUẤN	K15XDD3	10			6				8	3.5	4.9	Bấu pháp Chên		
146	152212701	HOÀNG VĂN	THÔNG	K15XDD3	10			6				8	6	6.6	Sau pháp Sau		
147	152212702	LÊ TẤN	VINH	K15XDD3	4			0				0	HP	0.0	Khăng		
148	152212711	NGUYỄN VĂN	ĐÔNG	K15XDD3	10			0				0	HP	0.0	Khăng		
149	152212712	PHAN THẾ	VŨ	K15XDD3	4			0				7	6	5.3	Nàm pháp Ba		
150	152212713	NGUYỄN KHÁNH	CHUNG	K15XDD3	8			6				7	8.5	8.1	Tằm pháp Mất		
151	152212719	TRẦN	VĂN	K15XDD3	10			6				6	7	7.1	Baý pháp Mất		
152	152212721	NGUYỄN ĐÌNH	HOÀN	K15XDD3	10			5				7	7	7.1	Baý pháp Mất		
153	152212740	ĐẶNG TUẤN	ANH	K15XDD3	10			7				8	6.5	7.1	Baý pháp Mất		
154	152212741	HUỖNH MINH	LÂM	K15XDD3	10			7				3	2	3.4	Ba pháp Bấu		
155	152212746	NGUYỄN THANH	TUẤN	K15XDD3	8			6				6	4	4.8	Bấu pháp Tằm		
156	152212749	TRẦN MINH	TÙNG	K15XDD3	0			0				0	HP	0.0	Khăng		
157	152212751	LÊ KHẮC	DUỖNG	K15XDD3	4			3				6	5.5	5.2	Nàm pháp Hai		
158	152215525	NGUYỄN	CƯỜNG	K15XDD3	10			7				3	HP	0.0	Khăng		
159	152215528	PHAN BÁ	DUY	K15XDD3	8			0				0	HP	0.0	Khăng		
160	152215832	HOÀNG LÊ	MINH	K15XDD3	6			7				3	HP	0.0	Khăng		
161	152216157	NGUYỄN ĐÌNH	TẤN	K15XDD3	6			5				6	6	5.9	Nàm pháp Chên		
162	152216196	NGUYỄN THỊ THUỶ	PHƯƠNG	K15XDD3	8			7				6	6	6.3	Sau pháp Ba		
163	152216199	TRẦN HỮU	HÙNG	K15XDD3	6			6				3	4	4.3	Bấu pháp Ba		
164	152216200	TRẦN ĐỨC	QUÝ	K15XDD3	0			0				0	HP	0.0	Khăng		
165	152216454	VÕ ANH	QUỐC	K15XDD3	6			5				8	2	3.3	Ba pháp Ba		
166	152313999	PHẠM HỮU	MẠNH	K15XDD3	6			6				3	5.5	5.4	Nàm pháp Bấu		
1	8182	NGUYỄN ĐỖ TẤN	KHOA	K10XD1	6			7				7	6.5	7.0	Baý		
2	8319	VÕ NGỌC	HOÀNG	K10XD2	6			3				3	6	5.0	Nàm		
3	0416	NGUYỄN TRỌNG	NGHĨA	K11XC1	10			3				3	6	6.0	Sau		

Ngày thi: 02/04/2010

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10			10				10	70	100			
4	0442	LÊ VĂN	TIỀN	K11XC1	6			7				7	7.5	7.0	Báý		
5	0203	NGUYỄN HỒNG	HÀ	K11XD3	6			6				7	6.5	6.0	Sầu		
6	0339	NGÔ TUẤN	ANH	K11XD3	6			7				7	5	6.0	Sầu		
7	2286	NGUYỄN HẢI	HƯNG	K12XCD	6			6				4	4	4.0	Bấú		
8	2295	NGUYỄN	HẢI	K12XCD	10			7				9	6	7.0	Báý		
9	2324	NGUYỄN VĂN	NAM	K12XCD	10			7				8	5.5	6.0	Sầu		
10	2397	ĐẶNG VĂN	ANH	K12XCD	8			3				3	4.5	5.0	Nằm		
11	0309	LÊ CHÍ	THÀNH	K12XDD2	10			6				7	5	5.8	Nằm pháp Tằm		
12	7983	HOÀNG VĂN	DIỆM	K13XCD1	0			0				0	V	0.0	Khăng		
13	8085	NGUYỄN VĂN	QUANG	K13XCD1	6			7				6	2.5	3.7	Ba pháp Báý		
14	8026	LÊ XUÂN	HÙNG	K13XCD2	6			6				7	6	6.1	Sầu pháp Mấú		
15	4618	LÊ VĨNH	KHÁNH	K15XCD1	0			0				0	V	0.0	Khăng		
16	0407	TRẦN HOÀNG	LONG	K15XDC	6			3				3	4	4.0	Bấú		
17	0338	CẦN QUANG	TUẤN	K11XD2	6			7				4	4	5.0	Nằm		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	134	73%	
2	Số sinh viên nợ	49	27%	
TỔNG CỘNG :		183	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 04 năm 2010

PHÒNG ĐÀO TẠO
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Trương Văn Tâm

ThS. Huỳnh Ngọc Hào

Nguyễn Ân